

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG THÁP****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2023/DS-PT

Ngày 26/7/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chi Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 391/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số D N, Phường A, TP ., tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Trần Thị T1

(Chị T và bà T1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Văn L có người đại diện theo ủy quyền là bà

Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:

Vào năm 2013, do chỗ quen biết nên ông L có cho bà Trần Thị T1 mượn số tiền 30.000.000 đồng dùng để bổ sung vốn kinh doanh mua bán, thời hạn mượn thỏa thuận bằng lời nói là 01 tháng, không tính lãi, tuy nhiên sau đó bà T1 không trả nên ông L mới yêu cầu bà T1 viết biên nhận và ký tên. Sau đó, ông L nhiều lần gặp bà T1 đề yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 cứ hẹn nhưng không trả tiền và cũng không trả tiền lãi cho ông L như trình bày của bà T1. Bà T1 chỉ trả tiền cho ông L 02 lần mỗi lần số tiền 200.000 đồng để ông L thêm tiền vào đóng tiền lãi cho Ngân hàng nên ông L đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền nợ. Nay ông L yêu cầu bà Trần Thị T1 trả nợ số tiền vay 29.600.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

- **Bị đơn bà Trần Thị T1 trình bày:** Bà T1 thừa nhận có vay của ông Đỗ Văn L số tiền 30.000.000 đồng dùng để nuôi cá bột, không nhớ thời gian vay tiền, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 6%/tháng, vay không viết biên nhận, vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng đến khi nào ông L yêu cầu thì bà T1 sẽ trả lại. Sau khi vay tiền, bà T1 có trả tiền lãi và tiền vốn cho ông L. Từ năm 2014 đến năm 2016, ông L đến nhà gặp con của bà T1 nhận tiền lãi hàng tháng 1.200.000 đồng, việc trả tiền lãi không làm biên nhận. Từ năm 2017 đến năm 2020, bà T1 không trả tiền vốn mà bà T1 có điện thoại nhờ con trai ruột trả tiền vốn vay mỗi tháng từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng cho ông L đến nhà bà T1 nhận, tổng số tiền bà T1 trả tiền vốn vay là 9.000.000 đồng, việc trả tiền vốn cũng không viết biên nhận và không có chứng cứ chứng minh. Biên nhận ngày 02/3/2013 ông L cung cấp cho Tòa án không phải do bà T1 viết và ký tên nhưng bà T1 không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết, vì bà T1 thừa nhận có vay số tiền 30.000.000 đồng của ông L. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên bà T1 không có khả năng để trả lại tiền cho ông L. Nay bà T1 đồng ý trả cho ông Đỗ Văn L số tiền vốn sau khi trừ đi số tiền bà T1 đã trả 9.000.000 đồng, như vậy bà T1 đồng ý trả cho ông L số tiền còn nợ là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*).

Bà T1 không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là con ruột của bà T1 đến Tòa án.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn L.

Buộc bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn L số tiền vay còn nợ là 29.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Đỗ Văn L không yêu cầu bà Trần Thị T1 trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Đỗ Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015610 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.480.000 đồng.

- Ngày 27/3/2023 bà Trần Thị T1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà T1 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T1, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị T phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

Bị đơn bà T1 không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của bà T1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là bà T1 chỉ đồng ý trả cho ông L 21.000.000đ và yêu cầu điều chỉnh lãi suất để cản trừ vào nợ vốn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T1 cho rằng bà đã trả lãi cho ông L số tiền lãi 1.800.000đ/tháng x 36 tháng = 64.800.000đ và đã trả vốn nhiều lần tổng cộng 9.000.000đ nên yêu cầu điều chỉnh cản trừ tiền lãi vào vốn. Tuy nhiên bà T1 không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh lời khai nại của mình.

Bên nguyên đơn đưa ra chứng cứ là 01 biên nhận ngày 02/3/2013 có nội dung: “...Tôi tên Trần Thị T1 có mượn của anh L 30.000.000đ”. Bà T1 không thừa nhận chữ viết và chữ ký tên là của bà nhưng bà T1 không yêu cầu giám định. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 thừa nhận có vay của ông L số tiền 30.000.000đ vào ngày 02/3/2013.

Qua đó có cơ sở xác định bà T1 có vay của ông L số tiền 30.000.000đ, người đại diện của ông L thừa nhận có nhận của bà T1 số tiền 400.000đ nên đồng ý trừ vào nợ gốc. Theo đơn khởi kiện ông L không có yêu cầu trả lãi.

Việc bà T1 kháng cáo cho rằng đã trả lãi 64.800.000đ và trả vốn 9.000.000đ cho ông L nhưng xét thấy không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 357, 429, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn L.

Buộc bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn L số tiền vay còn nợ là 29.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Ông Đỗ Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015610 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Trần Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.480.000 đồng.

+ Bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng

được trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo Biên lai số 0015773 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông